TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2024/HS-ST
Ngày 23-9-2024

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoài Thị Hà Khuyên

Ông Vũ Văn Thi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị A, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1979 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Số … V, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: … khu Mahattan Vinhomes Imperia, phường T, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doA; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị H; không có chồng và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2023; có mặt.

2. Vũ Văn H, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1964 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Tổ dân phố …, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số …, A, tổ …, phường C, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Lê Thị Ph; có vợ Đào Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/01/2024; có mặt.

3. Trần Thị N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1992 tại Nam Định; nơi thường trú: Thôn Hà Nhuận 3, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: BH01-22 Vinhomes Imperia, phường T, quận Hồng Bàng, thành phố Hải

Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Đoàn Thị L; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/6/2024; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- A Hoàng Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Phòng 211, L3-K10 chung cư H, thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Đặng Kim OA, sinh năm 1989; địa chỉ: Ngõ 689, đường 208, thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Lê Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ngõ … đường Đ, phường V, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Đoàn Thị Nh, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ngõ … Đ, phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, Thị trấn V, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương nhận đươc tin báo của quần chúng nhân dân về việc Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N và một số đối tượng khác có hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của Ngô Thị A, Trần Thị N đồng thời là văn phòng làm việc của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dầu khí H (Công ty H) tại địa chỉ BH01-22 khu Mahattan Vinhomes Imperia, phường T, quận Hồng Bàng, Hải Phòng thu giữ: 01 điện thoại di động Vertu P-006623 màu ghi đỏ của A; 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max, màu vàng của N. Ngoài ra thu giữ 03 ổ cứng, 06 CPU (cây máy tính), 01 bàn phím, 01 màn hình máy tính, 03 máy tính xách tay, 01 máy tính bảng, 06 USB, dấu tròn và dấu chức dA liên quan đến hoạt động của Công ty H.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn H không thu giữ được đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Vũ Văn H tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57. Quá trình điều tra, các đối tượng liên quan gồm Hoàng Văn L, Đặng Kim O, Lê Thị M, Hoàng Thị T, Đoàn Thị Nh, Trần Thị Thu H tự nguyện giao nộp điện thoại và máy tính.

Kết quả điều tra làm rõ: Năm 2016 Ngô Thị A thành lập Công ty H, MST: 0107430950- 001 để hoạt động kinh doA nhựa đường (kinh doA hàng hóa có thật). Bà Nguyễn Thị H mẹ của A đứng tên Giám đốc, trên thực tế A là người điều hành toàn bộ công việc của công ty. Văn phòng công ty đặt tại địa chỉ BH01-22 khu Mahattan Vinhomes Imperia, phường T, quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Trần Thị N là kế toán của Công ty H. Do được A nhận làm em gái nên N đã sinh sống cùng nhà với A. Năm 2022, Ngô Thị A thành lập và điều hành 03 công ty hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể:

Công ty TNHH đầu tư thương mại vật tư giao thông H (công ty H), MST: 0202176969, địa chỉ trụ sở: Số nhà 72B tổ 7 Nguyễn Văn Linh, xã A, huyện An Dương, giám đốc là bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1974, trú tại: Tổ …, phường …, quận Tây Hồ, Hà Nội. Công ty H thành lập từ tháng 11/2022 đến tháng 03/2023 dừng hoạt động.

Công ty TNHH đầu tư phát triển vật tư giao thông C (công ty C), MST: 0202136765, địa chỉ trụ sở: tổ 5, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, Hải Phòng, giám đốc là bà Bùi Thị Minh N, sinh năm 1981, trú tại: Số … Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Công ty C thành lập từ tháng 4/2022 đến tháng 11/2022 dừng hoạt động.

Công ty TNHH đầu tư phát triển vật tư giao thông T (công ty T), MST: 2400950835, địa chỉ trụ sở: Thôn H, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, giám đốc là ông Lưu Văn Đức, sinh năm 1990, trú tại: Thôn Văn Ngọ, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Công ty T thành lập từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2023 dừng hoạt động.

Sau khi 03 công ty trên dừng hoạt động, A đã hủy hết con dấu, tài liệu của các công ty. 03 công ty trên do Ngô Thị A thuê Vũ Văn H thành lập, H biết A thành lập công ty để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, không kinh doA hàng hóa có thật. A và H thỏa thuận chi phí thành lập công ty là 250.000.000 đồng/công ty. H nhờ đối tượng Cương, Huy (không xác định được lai lịch) và Trần Minh Tuấn, sinh năm 1970, là đội trưởng đội kiểm tra thuế số 3 thuộc Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương làm thủ tục thành lập công ty và chuyển tổng số tiền 675.000.000đồng cho các đối tượng trên còn H được hưởng số tiền 75.000.000 đồng. Sau khi thành lập công ty, H giao cho A các đồ vật, tài liệu của 03 công ty gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doA, dấu tròn, dấu chức dA giám đốc, token để kê khai thuế, mẫu tờ khai thuế và một số giấy tờ khác liên quan đến hoạt động của công ty. Căn cứ vào chữ ký giám đốc tại các mục trên giấy tờ, tài liệu, A khắc dấu chữ ký để tự đóng dấu sử dụng. A không biết các giám đốc của 03 công ty là ai và chưa bao giờ gặp những người này. A lên mạng internet liên hệ và thuê dịch vụ làm thủ tục cho 03 công ty ký hợp đồng cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử với Công ty TNHH hóa đơn điện tử M-INVOICE- Chi nhánh Hà Nội và được cung cấp cho USB token xuất hóa đơn điện tử. A sử dụng gmail locvang666@gmail.com do N lập, để làm thủ tục lập hồ sơ mở tài khoản ngân hàng của công ty H, công ty C, công ty T. Đến mỗi kỳ kê khai thuế, A đưa cho H số tiền tương ứng với 7.000.000đồng/một tỷ tiền hàng hóa bán ra chưa tính thuế ghi trên tờ khai thuế để H nộp cho cơ quan quản lý thuế, mỗi tháng H giới hạn cho A kê khai

doA số bán ra của mỗi công ty là 10.000.000.000đồng. Cả 03 công ty trên do A thành lập, điều hành đều không có trụ sở thực tế, những người đứng tên giám đốc, kế toán của các công ty này xác nhận không thành lập công ty, không liên quan, các công ty không có bến bãi, kho hàng, không kinh doA hàng hóa.

Ngô Thị A là người trực tiếp khởi tạo và xuất hóa đơn điện tử, lập hợp đồng, thực hiện việc kê khai thuế cho công ty H, công ty C, công ty T. A kê khai hàng hóa bán ra dựa trên số lượng hóa đơn đã xuất khống, còn mục hàng hóa đầu vào thì A kê khai khống doA số, sao cho doA số hàng hóa đầu vào thấp hơn doA số hàng hóa bán ra để nộp ít tiền thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Về giao dịch ngân hàng, A nhờ Trần Thị N và một số người gồm: Hoàng Thị T, sinh năm 1990, trú tại: Ngõ … đường Đ, phường V, quận Kiến An, Hải Phòng; Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 2000, trú tại: Thôn C, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Hoàng Văn L, sinh năm 1971, trú tại: Phòng 211, L3-k10 chung cư H, thôn Vĩnh Hợp, xã A, huyện An Dương, Hải Phòng; Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, trú tại: Thôn H, xã A, huyện An Dương, Hải Phòng; Đặng Kim OA, sinh năm 1989, trú tại: Ngõ 689 đường 208, thôn Vân Tra, xã A, huyện An Dương, Hải Phòng thực hiện việc rút, chuyển tiền từ tài khoản của 03 công ty nêu trên sau đó chuyển lại cho A. N lập gmail locvang666@gmail.com cho A sử dụng để làm thủ tục lập hồ sơ mở tài khoản ngân hàng của Công ty H, Công ty C, Công ty T. Sau khi tài khoản của công ty T được lập, N được A nhờ chuyển tiền từ 500.000đồng đến 2.000.000đồng vào tài khoản của công ty này để duy trì hoạt động của tài khoản. N cho A sử dụng nhờ 02 tài khoản ngân hàng đứng tên N để nhận tiền chuyển khoản từ Nguyễn Thị Thu Tr, Hoàng Thị T khi những người này rút tiền từ tài khoản ngân hàng của công ty H, công ty C và công ty T, sau đó N rút tiền chuyển lại cho A. N đăng nhập vào trang web thuedientu.gdt.gov.vn và nhập mã số thuế, mật khẩu vào phần kê khai thuế của công ty H, công ty C, công ty T để kiểm tra những số tài khoản ngân hàng đã lập cho 03 công ty nêu trên đã được hệ thống chấp nhận hay chưa. N đưa chứng từ, giấy rút tiền của công ty H cho Hoàng Văn L, Hoàng Thị T để đi rút tiền theo sự chỉ đạo của A. N trực tiếp rút tiền 01 lần từ tài khoản của công ty H, chuyển tiền 02 lần vào tài khoản của công ty T cho A.

Theo kết luận giám định số 9452 ngày 26/3/2024 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an kết luận: Dữ liệu điện tử trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax (ký hiệu A14) của N, sau khi được trích xuất ra có tồn tại 99 hình ảnh nội dung nhắn với Ngô Thị A và các đối tượng khác có nội dung liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn.

Cách thức mua bán trái phép hóa đơn điện tử: A bán hóa đơn khống thông qua đối tượng Hải (không xác định được lai lịch) và không làm việc với đại diện các doA nghiệp mua hóa đơn. Khi khách có nhu cầu, Hải gọi điện cho A báo số liệu hóa đơn cần lấy, số tiền và nội dung ghi trên mỗi hóa đơn. A làm hợp đồng kinh tế phù hợp với nội dung hàng hóa mua bán ghi trên hóa đơn, đóng dấu chữ ký giám đốc và dấu tròn rồi đưa chứng từ, tài liệu lại cho Hải. Đơn vị mua hóa đơn thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của 03 công ty do A điều hành để hợp thức hóa các chứng từ, sau

đó A nhờ người rút số tiền và tự bớt lại số tiền A được hưởng tương ứng với 1% của tổng số tiền hàng thA toán trước thuế ghi trên hóa đơn sau đó chuyển tiền mặt lại cho Hải hoặc làm thủ tục nộp tiền vào một số tài khoản cá nhân do Hải cung cấp để trả lại tiền cho khách hàng. A thường liên lạc với Hải qua nhiều số điện thoại không đăng ký chính chủ, A không nhớ những số điện thoại đã liên lạc với Hải là gì. Sau khi các công ty ngừng hoạt động, A và Hải không gặp và không liên lạc với nhau nữa.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa tài khoản của 03 công ty do Ngô Thị A thành lập, điều hành mua bán trái phép hóa đơn, tổng số tiền 1.406.759đồng, cụ thể: 03 tài khoản của Công ty H, tổng số tiền trong tài khoản là 1.089.548đồng; 03 tài khoản của Công ty C, tổng số tiền trong tài khoản là 17đồng; 01 tài khoản của Công ty T, số tiền trong tài khoản là 317.194đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã ra lệnh phong tỏa 04 tài khoản ngân hàng của Ngô Thị A, tổng số tiền trong tài khoản là 499.597đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương xác minh tại cơ quan thuế xác định các công ty do A điều hành, bán trái phép hóa đơn GTGT đã đặt in, sử dụng, xóa bỏ hóa đơn, tổng số tiền hàng hóa dịch vụ mua vào, tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra, tổng số tiền thuế đã nộp, cụ thể như sau:

Công ty H đã đặt in 3000 số hóa đơn điện tử, đã xuất 261 số hóa đơn điện tử, trong đó có 11 số hóa đơn bị gạch chéo. Công ty H đã kê khai bán ra 253 số hóa đơn, trong đó kê khai điều chỉnh 10 số hóa đơn. Tổng số tiền hàng hóa dịch vụ mua vào là 6.696.980đồng, tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra 118.408.600.579đồng, tiền thuế là 11.724.229.230đồng.

Công ty C đã đặt in 2000 số hóa đơn điện tử, đã xuất 499 số hóa đơn điện tử, trong đó có 36 số hóa đơn bị gạch chéo. Công ty C đã kê khai bán ra 459 số hóa đơn. Tổng số tiền hàng hóa dịch vụ mua vào là 6.237.360 đồng, tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra là 207.997.533.772đồng, tổng tiền thuế là 20.562.989.821đồng.

Công ty T đã đặt in 3000 số hóa đơn điện tử, đã xuất 120 số hóa đơn điện tử, trong đó có 31 số hóa đơn đóng dấu đã hủy. Công ty T đã kê khai bán ra 170 số hóa đơn, trong đó đã bị hủy bỏ 58 số hóa đơn. Số lượng hóa đơn kê khai mua vào không có. Số lượng hóa đơn kê khai bán ra trong quý IV/2022 có tổng doA thu là 27.600.321.497đồng, tiền thuế là 2.692.640.281đồng; trong quý I/2023 là 47.138.759.299đồng, tiền thuế là 4.713.875.930đồng.

Quá trình điều tra xác định, tổng số hóa đơn của 03 công ty do A điều hành đã đặt in là 8000 số hóa đơn điện tử, đã xuất bán 882 số hóa đơn. A thu được số tiền là 4.011.452.151đồng (tương đương với 1% của tổng số tiền hàng bán ra chưa tính thuế ghi trên tờ khai thuế). Sau khi trừ đi các chi phí gồm số tiền mua lại công ty, tiền lo việc kê khai thuế cho 03 công ty, tiền thuế, tiền nộp phạt hành chính của 03 công ty cho Nhà nước, tiền trả công cho Tuyết, Lư, Trà, tiền làm thủ tục ký hợp đồng cung cấp hóa đơn điện tử cho 03 công ty, tiền làm thủ tục tạm ngừng kinh doA cho công ty T. Số tiền thu lợi bất chính còn lại của Ngô Thị A là 619.808.250đồng.

Ngô Thị A đã tự nguyện nộp số tiền 619.808.250đồng, Vũ Văn H đã tự nguyện nộp số tiền 75.000.000đồng (số tiền được hưởng lợi từ thành lập công ty)

cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Bản Cáo trạng số 154/CT-VKSAD ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Ngô Thị A về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Vũ Văn H, Trần Thị N về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N khai nhận như nội dung bản Cáo trạng truy tố đã nêu. Lời khai của các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố bị cáo Ngô Thị A về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Vũ Văn H, Trần Thị N về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Thị A từ 250.000.000đồng đến 280.000.000đồng về tội " Mua bán trái phép hóa đơn".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 220.000.000đồng đến 250.000.000đồng về tội " Mua bán trái phép hóa đơn".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 200.000.000đồng đến 220.000.000đồng về tội " Mua bán trái phép hóa đơn".

2. Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Ngô Thị A phải nộp số tiền thu lợi bất chính 619.808.250đồng, Vũ Văn H phải nộp số tiền thu lợi bất chính 75.000.000đồng. Bị cáo A đã nộp số tiền 619.808.250đồng nên không phải nộp nữa. Bị cáo H đã nộp số tiền 75.000.000đồng nên không phải nộp nữa. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 25.100.000đồng Hoàng Văn Lu, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Thu Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho Hoàng Văn L: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy: CPH2407, số IMEI 1: 869945067082251, số IMEI 2: 869945067082244. Gắn kèm 02 SIM mang số 0906167295 của nhà mạng Mobifone và 0969713259 của

nhà mạng Viettel; Đặng Kim OA: 01 (Một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, loại máy Latitude 3540, mặt sau của máy ghi số DNP: JJ31M A01, có dãy chữ số: Registrasion No.R-4100071030202/SDPPI/2013 3226 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số máy: MQ8V2LL/A, số sê ri: DX3X1FNBJCM4 màu vàng, đã qua sử dụng. Gắn kèm 01 SIM mang số 0911120668; 01 (Một) USB chữ ký số màu đen, nhãn hiệu FPT, tại phần đầu cắm có dãy số: 131023F02632H; 01 (Một) USB chữ ký số màu đen, nhãn hiệu VNPT, tại phần đầu cắm có dây số: 8377200522027838; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu EasyCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 54102003102242; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu BKAVCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 121113F10804H; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu BKAVCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 160808F02539H; 01 (Một) USB màu đen, nhãn hiệu Transcend 32GB, tại phần đầu cắm có dãy số: G262511896D33193; 01 (Một) USB màu đen, nhãn hiệu Kingston 32GB, tại phần đầu cắm có dãy số: DTX/32GB C7530-322.A00LF 5V. Lê Thị M: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xA đã qua sử dụng, số máy: MLKV3LL/A, số sê ri: KP4JX97929 gắn kèm 01 SIM mang số 0936902989; Hoàng Thị T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xA đã qua sử dụng. Gắn kèm 01 SIM trên thân SIM có dãy số: 8984048000913662169 của nhà mạng Viettel. Đoàn Thị Nh: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, màu đen, số máy: SM-G610F, số sê ri: R58H95NZMBB, IMEI 1: 353415083001894, IMEI 2: 353416083001892 gắn kèm 02 SIM mang số lần lượt là: 0904342388 và 0904332238.; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu hồng, trên than vỏ có ký hiệu Ipad USB 2.0; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu đỏ nhãn hiệu VINRA, trên thân thiết bị có ghi nội dung: LCS2008B00029049; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu đỏ nhãn hiệu VINRA, trên thân thiết bị có ghi nội dung: LCS2104B00068144. Trả lại cho Trần Thị Thu H; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số sê ri 1: 356867074802986; số sê ri 2: 356867074802994 đã qua sử dụng. Gắn kèm 02 SIM, trên thân SIM có dãy số lần lượt là: 8401230224207647 và 89840200011415202678. Ngô Thị A: 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "EasyCA" và tại vị trí đầu cắm có dòng chữ 54102006103388; 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "NEWCA Chữ ký số công cộng L72010004165"; 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "VINRA NHÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ" và tại vị trí đầu cắm có dòng chữ VIN 2208A00044083.

Tịch thu sung công của Vũ Văn H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10-; số kiểu máy: SM-N975F/DS; số seri: RF8NC08HTHD; IMEI 1: 351526280148213; IMEI 2: 352932320148214 có gắn kèm 02 (Hai) SIM trên thân SIM có dãy số: SIM 1: 8984048008823626538 và SIM 2: 8984048000038027423; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57; kiểu máy: CPH2407 trên máy có gắn 01 (Một) SIM trên thân SIM có dãy số 8984048000907678617; Trần Thị Lương: 01 (Một) điện thoại Iphone 13 Pro Max, số IMEI 35 036063,654535 6, màu vàng, đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội dA và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023, Ngô Thị A đã thành lập, điều hành 03 công ty hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, A đã thuê Vũ Văn H thành lập công ty. Ngô Thị A là người trực tiếp khởi tạo và xuất hóa đơn điện tử, lập hợp đồng, kê khai thuế. A nhờ Trần Thị N lập gmail sử dụng để mở tài khoản ngân hàng cho 03 công ty, rút tiền, chuyển tiền cho các công ty, nhận tiền chuyển về tài khoản sau khi Tuyết, Trà, Lư rút tiền từ tài khoản của 03 công ty, đăng nhập vào phần mềm kê khai thuế của 03 công ty để kiểm tra thông tin, liên hệ làm thủ tục tạm dừng kinh doA cho công ty T, liên hệ và gửi chứng từ cho Lư, Tuyết để thực hiện việc đi rút tiền. Tổng số hóa đơn Ngô Thị A đã bán ra là 882 số, thu lợi bất chính 4.011.452.15đồng. Trừ chi phí thực tế, A đã hưởng lợi bất chính số tiền là 619.808.250đồng. Số tiền H được hưởng từ việc thành lập công ty và mua bán khống hóa đơn là 75.000.000đồng. Trần Thị N giúp sức cho Ngô Thị A trong hoạt động mua bán trái phép hóa đơn do tình cảm cá nhân, không được hưởng lợi về vật chất. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Ngô Thị A đã phạm vào tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Vũ Văn H, Trần Thị N đã phạm vào tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo với tội dA trên là đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3] Tính chất vụ án nghiêm trọng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trên lĩnh vực thuế, tài chính, gây mất trật tự xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi

cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về số tiền thu lời bất chính của các bị cáo:

[6] Đối với bị cáo Ngô Thị A: Tổng số tiền bị cáo Ngô Thị A thu được từ việc mua bán trái phép hóa đơn của 03 công ty là 4.011.452.151đồng, trừ đi các khoản chi phí nộp thuế 324.701.393đồng, chi phí đăng ký hóa đơn điện tử 5.000.000đồng, chi mua các công ty 750.000.000đồng; trả công nhân viên gồm Hoàng Thị T, Hoàng Văn L, Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 25.100.000đồng; tạm dừng kinh doA của công ty T 2.000.000đồng; chi phí hoạt động cho các công ty 2.284.842.940đồng. Tổng số tiền A thu lợi còn lại là 619.808.250đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đối với các khoản tiền bị cáo A khai đã chi nộp thuế, chi phí đăng ký hóa đơn điện tử, trả lương cho nhân viên, tạm dừng đăng ký đều có căn cứ chứng minh. Sau khi xem xét các khoản chi phí cho hoạt động của công ty H và Công ty C cụ thể A đưa tiền cho H để H đưa cho Trần Minh Tuấn, sinh năm 1970, là đội trưởng đội kiểm tra thuế số 3 thuộc Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương mỗi kỳ kê khai thuế, phải chi cho bên thuế số tiền tương ứng với 7.000.000đ(Bẩy triệu đồng)/một tỷ tiền hàng bán ra chưa tính thuế ghi trên tờ khai thuế và mỗi tháng chỉ cho A kê khai doA số bán ra của các công ty là 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) (tài liệu xác minh Trần Minh Tuấn đã chết ngày 01/3/2023), chi phí mua 03 công ty theo các bị cáo A, bị cáo H khai nhận mặc dù không có hóa đơn chứng từ chứng minh ngoài lời khai của các bị cáo nhưng tại phiên tòa bị cáo A, bị cáo H đều khẳng định các khoản chi trên là thực tế. Theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền bị cáo đã chi. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính còn lại bị cáo được hưởng là 619.808.250đồng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lời bất chính này để khắc phục hậu quả (trong đó cho Trần Thị Lương tự nguyện nộp 6.000.000đồng).

[7] Đối với bị cáo Vũ Văn H và Trần Thị N:

Bị cáo Vũ Văn H và Trần Thị N giúp sức cho Ngô Thị A mua bán trái phép hóa đơn. Bị cáo H nhận từ bị cáo A số tiền 750.000.000đồng để mua lại 03 công ty gồm công ty H; công ty C; công ty T, được hưởng số tiền 75.000.000đồng. Tại giai đoạn điều tra bị cáo H đã nộp đủ số tiền thu lời bất chính này. Bị cáo Trần Thị N

giúp sức cho Ngô Thị A trong hoạt động mua bán trái phép hóa đơn do tình cảm cá nhân, không được hưởng lợi về vật chất.

- Về hình phạt:

[8] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú ổn định. Mặt khác, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội phạm vi phạm trật tự quản lý kinh tế, mục đích phạm tội của các bị cáo là hướng tới lợi nhuận nên việc thu hồi cho ngân sách Nhà nước những thiệt hại, tổn thất về kinh tế do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là yếu tố cần thiết nhất đối với loại tội phạm này. Quan điểm này cũng được thể hiện ngay trong việc xây dựng các quy định pháp luật. Trong vụ án này việc khắc phục thiệt hại đối với hành vi phạm tội đã được các bị cáo thực hiện đầy đủ. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bị kết án..... nên không cần thiết buộc các bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội mà nên áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất phạm tội của các bị cáo.

[9] Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo A là người chủ mưu, là người trực tiếp thực hiện hành vi giao dịch mua bán trái phép hóa đơn, trực tiếp hưởng lợi số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo H là đồng phạm giúp sức cũng được hưởng số tiền thu lợi bất chính nên chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo A, bị cáo N là đồng phạm giúp sức không được hưởng số tiền thu lợi bất chính nên chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo H.

Xét thấy, bị cáo Trần Thị N phạm tội lần đầu là người giúp sức có mức độ với vai trò không lớn nên xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Tại phiên tòa sau khi kết thúc phần trA luận bị cáo A đã tự nguyện nộp số tiền 270.000.000đồng; bị cáo H đã nộp số tiền 220.000.000đồng; bị cáo N nộp 200.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Số tiền này Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về các vấn đề khác:

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ các tài liệu, đồ vật chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương gồm:

1. Thu giữ của Hoàng Văn L: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy: CPH2407, số IMEI 1: 869945067082251, số IMEI 2: 869945067082244. Gắn kèm 02 SIM mang số 0906167295 của nhà mạng Mobifone và 0969713259 của nhà mạng Viettel;

2. Thu giữ của Đặng Kim OA: 01 (Một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, loại máy Latitude 3540, mặt sau của máy ghi số DNP: JJ31M A01, có dãy chữ số: Registrasion No.R-4100071030202/SDPPI/2013 3226 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số máy: MQ8V2LL/A, số sê ri: DX3X1FNBJCM4 màu vàng, đã qua sử dụng. Gắn kèm 01 SIM mang số 0911120668; 01 (Một) USB chữ ký số màu đen, nhãn hiệu FPT, tại phần đầu cắm có dãy số: 131023F02632H; 01 (Một) USB chữ ký số màu đen, nhãn hiệu VNPT, tại phần đầu cắm có dây số: 8377200522027838; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu EasyCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 54102003102242; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu BKAVCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 121113F10804H; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu BKAVCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 160808F02539H; 01 (Một) USB màu đen, nhãn hiệu Transcend 32GB, tại phần đầu cắm có dãy số: G262511896D33193; 01 (Một) USB màu đen, nhãn hiệu Kingston 32GB, tại phần đầu cắm có dãy số: DTX/32GB C7530-322.A00LF 5V.

3. Thu giữ của Lê Thị M: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xA đã qua sử dụng, số máy: MLKV3LL/A, số sê ri: KP4JX97929 gắn kèm 01 SIM mang số 0936902989.

4. Thu giữ của Hoàng Thị T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xA đã qua sử dụng. Gắn kèm 01 SIM trên thân SIM có dãy số: 8984048000913662169 của nhà mạng Viettel.

5. Thu giữ của Đoàn Thị Nh: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, màu đen, số máy: SM-G610F, số sê ri: R58H95NZMBB, IMEI 1: 353415083001894, IMEI 2: 353416083001892 gắn kèm 02 SIM mang số lần lượt là: 0904342388 và 0904332238.; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu hồng, trên than vỏ có ký hiệu Ipad USB 2.0; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu đỏ nhãn hiệu VINRA, trên thân thiết bị có ghi nội dung: LCS2008B00029049; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu đỏ nhãn hiệu VINRA, trên thân thiết bị có ghi nội dung: LCS2104B00068144.

6. Thu giữ của Trần Thị Thu H; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số sê ri 1: 356867074802986; số sê ri 2: 356867074802994 đã qua sử dụng. Gắn kèm 02 SIM, trên thân SIM có dãy số lần lượt là: 8401230224207647 và 89840200011415202678.

7. Thu giữ của Vũ Văn H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10-; số kiểu máy: SM-N975F/DS; số seri: RF8NC08HTHD; IMEI 1: 351526280148213; IMEI 2: 352932320148214 có gắn kèm 02 (Hai) SIM trên thân SIM có dãy số: SIM 1: 8984048008823626538 và SIM 2: 8984048000038027423; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57; kiểu máy: CPH2407 trên máy có gắn 01 (Một) SIM trên thân SIM có dãy số 8984048000907678617.

8. Thu giữ của Ngô Thị A: 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "EasyCA" và tại vị trí đầu cắm có dòng chữ 54102006103388; 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "NEWCA Chữ ký số công cộng L72010004165"; 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "VINRA NHÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ" và tại vị trí đầu cắm có dòng chữ VIN 2208A00044083.

9. Thu giữ của Trần Thị N: 01 (Một) điện thoại Iphone 13 Pro Max, số IMEI 35 036063,654535 6, màu vàng, đã qua sử dụng.

Xét thấy tài liệu hồ sơ xác định đối với số vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ của Hoàng Văn L, Đặng Kim OA, Lê Thị M, Hoàng Thị T, Đoàn Thị Nh, Trần Thị Thu H, Ngô Thị A không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án nên trả lại các vật chứng trên cho A Lưu, chị OA, chị Mai, chị Tuyết, chị Nhàn, chị Hường, bị cáo A sử dụng. Đối với các vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ của Vũ Văn H, Trần Thị N liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước,

[12] Đối với các đồ vật, tài liệu khác đã thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Ngô Thị A, Ngô Thị Thương xét thấy các đồ vật, tài liệu đã thu giữ trong quá trình khám xét không liên quan đến các công ty trong vụ án. Vì vậy, cơ quan điều tra tiến hành trả lại toàn bộ đồ vật, tài liệu đã thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Ngô Thị A, Ngô Thị Thương để A, Thương tiếp tục điều hành hoạt động của công ty H - CN Hải Phòng và công ty Đại Nam theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

[13] Vật chứng đã thu giữ là các tài liệu, hóa đơn khác các bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng của các Công ty và các tài liệu liên quan đến việc hoạt động mua bán hóa đơn, thành lập các công ty cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình điều tra được đánh số bút lục cho vào hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo A đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 619.808.250đồng, bị cáo H đã nộp số tiền 75.000.000đồng. Ngoài ra Tài liệu hồ sơ xác định Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Thu Tr, Hoàng Văn Lu là những người được A nhờ đến ngân hàng thực hiện việc dút chuyển tiền từ tài khoản của 03 công ty nêu trên sau đó chuyển lại cho A và được A trả cho số tiền 25.100.000đồng Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Thu Tr, Hoàng Văn Lu đã nộp lại số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Xét thấy, toàn bộ số tiền nêu trên là khoản tiền thu lời bất chính mà có các bị cáo và Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Thu Tr, Hoàng Văn Lu đã nộp lại nên không phải nộp nữa.

[15] Trong vụ án này: Bà Phạm Thị Mỹ Hà là Giám đốc công ty H, bà Bùi Thị Minh Nguyệt là Giám đốc công ty C không xác định được nơi cư trú, ông Lưu Văn Đức là Giám đốc Công ty T vắng mặt tại phương, chưa lấy được lời khai. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[16] Đối với Hoàng Thị T là kế toán của Công ty H (từ năm 2017 đến năm 2021 nghỉ), Đặng Kim OA, Hoàng Văn L, Nguyễn Thị Thu Tr là người trực tiếp rút tiền từ tài khoản của các công ty H, công ty C, công ty T giúp cho A nhưng Tuyết, OA, Lư, Trà không biết bản chất hoạt động của các công ty này là mua bán trái phép hóa đơn, vì vậy cơ quan điều tra không xử lý. Ngô Thị Thương, giám đốc, Đoàn Thị Nh, kế toán của Công ty Đại Nam là người nhận tiền chuyển khoản từ Tuyết, Trà nhưng không biết nguồn gốc số tiền trên và không biết bản chất việc nhận tiền giúp cho A là gì, nên cơ quan điều tra không xử lý.

[17] Công ty H là doA nghiệp do gia đình A thành lập và hoạt động kinh doA thực tế nhiều năm, có kê khai hóa đơn đầu ra, đầu vào đầy đủ, phù hợp với doA số trên các tờ khai thuế. Tài liệu kê khai thuế của công ty H thể hiện doA nghiệp không kê khai, sử dụng hóa đơn của công ty H, công ty C, công ty T, vì vậy cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với ông Trần Minh Tuấn đã chết vào ngày 01/03/2023. Đối tượng tên Cương, Huy thành lập 03 công ty cho Vũ Văn H và Ngô Thị A, đối tượng Hải môi giới bán hóa đơn của công ty H, công ty C, công ty T cho Ngô Thị A hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Các đơn vị, doA nghiệp sử dụng hóa đơn của công ty H, công ty C, công ty T, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc đều xác định là mua hàng hóa có thật, không phải là mua hóa đơn khống nên cơ quan điều tra không xử lý. Đối với các doA nghiệp và các đối tượng mua hoá đơn của A hiện chưa xác định được, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[18] Về án phí: Các bị cáo Ngô Thị A, Trần Thị N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vũ Văn H là người cao tuổi được miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị A phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn"

Xử phạt bị cáo Ngô Thị A số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bẩy mươi triệu đồng). Bị cáo đã thi hành nộp số tiền 270.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0008432 ngày 23/9/2024 nên bị cáo đã thi hành xong hình phạt.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 35, 38 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn H, Trần Thị N phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn"

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), bị cáo đã thi hành nộp số tiền 220.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0008430 và biên lai số 0008429 ngày 23/9/2024 nên bị cáo đã thi hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) bị cáo đã thi hành nộp số tiền 200.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0008433 ngày 23/9/2024 nên bị cáo đã thi hành xong hình phạt.

Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Ngô Thị A, Vũ Văn H, Trần Thị N.

Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Ngô Thị A phải nộp số tiền thu lợi bất chính 619.808.250đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp số tiền 96.634.250đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0008337 ngày 17/7/2024 và số tiền 523.174.000đồng, biên lai thu tiền số 0008405 ngày 10/9/2024 nên không phải nộp nữa.

Buộc bị cáo Vũ Văn H phải nộp số tiền thu lợi bất chính 75.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp số tiền 75.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0008341 ngày 19/7/2024 nên không phải nộp nữa.

Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Thu Tr, Hoàng Văn Lu đã nộp lại số tiền 25.100.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0008376 ngày 22/8/2024 nên không phải nộp nữa.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho Hoàng Văn L: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy: CPH2407, số IMEI 1: 869945067082251, số IMEI 2: 869945067082244. Gắn kèm 02 SIM mang số 0906167295 của nhà mạng Mobifone và 0969713259 của nhà mạng Viettel. Đặng Kim OA: 01 (Một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, loại máy Latitude 3540, mặt sau của máy ghi số DNP: JJ31M A01, có dãy chữ số: Registrasion No.R-4100071030202/SDPPI/2013 3226 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số máy: MQ8V2LL/A, số sê ri: DX3X1FNBJCM4 màu vàng, đã qua sử dụng. Gắn kèm 01 SIM mang số 0911120668; 01 (Một) USB chữ ký số màu đen, nhãn hiệu FPT, tại phần đầu cắm có dãy số: 131023F02632H; 01 (Một) USB chữ ký số màu đen, nhãn hiệu VNPT, tại phần đầu cắm có dây số: 8377200522027838; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu EasyCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 54102003102242; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu BKAVCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 121113F10804H; 01 (Một) USB chữ ký số màu trắng, nhãn hiệu BKAVCA, tại phần đầu cắm có dãy số: 160808F02539H; 01 (Một) USB màu đen, nhãn hiệu Transcend 32GB, tại phần đầu cắm có dãy số: G262511896D33193; 01 (Một) USB màu đen, nhãn hiệu Kingston 32GB, tại phần đầu cắm có dãy số: DTX/32GB C7530-322.A00LF 5V. Lê Thị M: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xA đã qua sử dụng, số máy: MLKV3LL/A, số sê ri: KP4JX97929 gắn kèm 01 SIM mang số 0936902989. Hoàng Thị T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xA đã qua sử dụng. Gắn kèm 01 SIM trên thân SIM có dãy số: 8984048000913662169 của nhà mạng Viettel. Đoàn Thị Nh: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, màu đen, số máy: SM-G610F, số sê ri: R58H95NZMBB, IMEI 1: 353415083001894, IMEI 2: 353416083001892 gắn kèm 02 SIM mang số lần lượt là: 0904342388 và 0904332238.; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu hồng, trên than vỏ có ký hiệu Ipad USB 2.0; 01 (Một) thiết bị điện tử

có vỏ ngoài màu đỏ nhãn hiệu VINRA, trên thân thiết bị có ghi nội dung: LCS2008B00029049; 01 (Một) thiết bị điện tử có vỏ ngoài màu đỏ nhãn hiệu VINRA, trên thân thiết bị có ghi nội dung: LCS2104B00068144. Trần Thị Thu H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số sê ri 1: 356867074802986; số sê ri 2: 356867074802994 đã qua sử dụng. Gắn kèm 02 SIM, trên thân SIM có dãy số lần lượt là: 8401230224207647 và 89840200011415202678; Ngô Thị A: 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "EasyCA" và tại vị trí đầu cắm có dòng chữ 54102006103388; 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "NEWCA Chữ ký số công cộng L72010004165"; 01 (Một) thiết bị điện tử trên thân thiết bị có chữ "VINRA NHÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ" và tại vị trí đầu cắm có dòng chữ VIN 2208A00044083.

Tịch thu sung công của Vũ Văn H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10-; số kiểu máy: SM-N975F/DS; số seri: RF8NC08HTHD; IMEI 1: 351526280148213; IMEI 2: 352932320148214 có gắn kèm 02 (Hai) SIM trên thân SIM có dãy số: SIM 1: 8984048008823626538 và SIM 2: 8984048000038027423; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57; kiểu máy: CPH2407 trên máy có gắn 01 (Một) SIM trên thân SIM có dãy số 8984048000907678617; Trần Thị N: 01 (Một) điện thoại Iphone 13 Pro Max, số IMEI 35036063, 6545356, màu vàng, đã qua sử dụng.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương)*

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 6, 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc các bị cáo Ngô Thị A, Trần Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Văn H.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV06 CATP; Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Cường **Bùi Thị Nhàn** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương